|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH BẮC KẠN**Số: 2415/QĐ-UBND | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúcBắc Kạn, ngày 15 tháng 12 năm 2022 |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Định mức kỹ thuật một số loài hoa, cây cảnh, cây xanh**

 **để thực hiện nội dung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia**

 **xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính về Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 251/TTr-SNN ngày 13/12/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Định mức kỹ thuật đối với một số loài hoa, cây cảnh, cây xanh, theo Phụ lục định mức kỹ thuật đính kèm.

**Điều 2.** Định mức kỹ thuật được quy định tại Quyết định này để thực hiện nội dung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (quy định tại khoản 4, Điều 18, Mục 3 Chương II Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bắc Kạn, Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Đỗ Thị Minh Hoa** |

**PHỤ LỤC ĐỊNH MỨC KỸ THUẬT**

**MỘT SỐ LOẠI HOA, CÂY CẢNH, CÂY XANH**

*(Kèm theo Quyết định số 2415/QĐ-UBND*

*ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

| **STT** | **Tên loài hoa, cây cảnh** | **Giống** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị tính** | **Số lượng** |  |
| 1 | Cây chuỗi ngọc vàng, cây chiều tím, cây lá gấm (tía tô cảnh), cây rệu đỏ, cây cỏ mây, cây cẩm thạch, cẩm tú mai, cây sò huyết, cây lan huệ, cây tóc tiên, cây bạch trinh biển, hoa đồng tiền | Khóm/m2 | 25 | - Phân hữu cơ vi sinh: Lượng từ 02 - 04kg/1m2; đối với những loại hoa, cây cảnh thân gỗ lượng từ 01 - 02kg/cây.- Thuốc bảo vệ thực vật: 200.000 đồng/100m2(khuyến khích sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học)(định mức kỹ thuật trên là định mức tối đa; trong quá trình sản xuất, tùy thuộc vào từng loại cây, tuổi cây, độ phì nhiêu của đất... có thể điều chỉnh định mức trên cho phù hợp, nhưng không vượt quá định mức tối đa) |
| 2 | Hoa mười giờ, cây lạc dại | Khóm/m2 | 25 |
| Kg/m2 | 0,5 |
| 3 | Cây hoa hồng, cây dâm bụt, cây hoa mẫu đơn, cây chuông vàng, cây hoa huỳnh anh, cây mua cảnh, cây nhài nhật, cây nhài ta, cây hoa ngâu, hoa nguyệt quế, cây hoa giấy, cây ngọc bút, cây mai chỉ thiên, cây tường vi, cẩm tú cầu, cây hoa ngũ sắc (thân gỗ) | Cây/m2 | 02 |
| 4 | Hoa cúc các loại, hoa ngọc thảo, mai địa thảo, hoa xác pháo, mào gà, mắt nai, dừa cạn, cây tai tượng | Cây/m2 | 25 |
| 5 | Cây hoa ngũ sắc (thân rủ), cây hoa cúc thân gỗ, trắc bách diệp, hoa đỗ quyên, mai vạn phúc, hoa trà, bạch thiên hương, cây cô tòng lá đốm, cô tòng lá mít, cô tòng lá nhỏ | Cây/m2 | 09 |
| 6 | Cây giáng hương, cây hồng lộc, cây hoa ban, cây ngọc lan, cây bàng đài loan, tùng bách tán, tùng tháp, hoa phượng, bằng lăng, cọ cảnh, cau vàng, cau tứ quý, hoa đào | Cây/100m2 | 20 |
| 7 | Hạt cải hoa vàng | Kg/ha | 0,5 |
| 8 | Hạt cúc cánh bướm | Kg/ha | 10 |
| 9 | Hạt hướng dương | Kg/ha | 05 |
| 10 | Hạt hoa tam giác mạch | Kg/ha | 50 |